

Số: 466/QĐ-CDKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí Học kỳ I năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 41/2005/QĐ-UB ngày 07 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh sang trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở 794/SGDĐT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh sinh viên và chính sách phát triển giáo dục mầm non từ năm học 2021-2022;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét miễn, giảm học phí Học kỳ I năm học 2021-2022 họp ngày 07 tháng 6 năm 2022;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí Học kỳ I năm học 2021-2022 cho **47 sinh viên khóa 15,16,17** trình độ Cao đẳng, hình thức chính quy (danh sách đính kèm).

Điều 2. Đối với sinh viên chưa hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí thì tiền Miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện thu bù trừ vào số tiền nợ học phí của sinh viên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Ông (Bà) Trưởng các đơn vị phòng Công tác Học sinh sinh viên, phòng Kế hoạch-Tài chính, khoa Kế toán-Kiểm toán, khoa Quản trị-Kinh doanh, khoa Tài chính-Ngân hàng, khoa Ngoại ngữ, khoa Công nghệ thông tin, khoa Khoa học xã hội-Quản lý công nghiệp và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

-Như Điều 4;

-Lưu: VT, CTHSSV.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tú

DANH SÁCH HỌC SINH-SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I (5 Tháng) NĂM HỌC 2021-2022

(Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021, Hướng dẫn liên sở 794/SGDDT-KHTC ngày 21 tháng 3 năm 2022)

(Kèm theo quyết định: 466/QĐ-CDKT ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MÃ SỐ HS-SV	HỌ VÀ TÊN	MỨC THU HỌC PHÍ HKI NH 2021-2022 (1 THÁNG) (đồng)	LỚP	ĐỐI TƯỢNG MIỄN HỌC PHÍ				ĐỐI TƯỢNG GIẢM 70%	MỨC HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM HỌC KỲ I NH 2021-2022 (5 THÁNG) (đồng)	Ký Nhận	GHI CHÚ
					Người có công với CM và thân nhân của người có công với CM theo Pháp lệnh ưu đãi người có công	HS-SV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế	HS-SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định TTCP	HS-SV thuộc hộ nghèo nhóm 1,2 thuộc chuẩn nghèo Thành phố	HS-SV là người dân tộc thiểu số (không phải dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn			
1	18621026	Nguyễn Bích Trâm	780.000	14CTA01	x					3.900.000		
2	19635229	Nguyễn Thị Diễm Phúc	780.000	15CFB02	x					3.900.000		
3	19631499	Nông Thị Huệ	780.000	15CKT02					x	2.730.000		
4	19631072	Trần Thị Ngọc Hương	780.000	15CKT02	x					3.900.000		
5	19631169	Phạm Thị Bích	780.000	15CKT03		x				3.900.000		
6	19631508	Lương Bội Nhi	780.000	15CKT04			x			3.900.000		
7	19631263	Thạch Thị Kim Hai	780.000	15CKT07					x	2.730.000		
8	19631366	Danh Áo	780.000	15CKT10					x	2.730.000		
9	19631442	Huỳnh Thị Kim Ngọc	780.000	15CKT12	x					3.900.000		
10	19641264	Cao Thị Thu Nhân	780.000	15CQT08					x	2.730.000		
11	19641449	Quách Quý Trinh	780.000	15CQT12			x			3.900.000		
12	19641681	Nguyễn Thị Phụng Đình	780.000	15CQT17				x		3.900.000		
13	19641650	Võ Thị Ý Nhi	780.000	15CQT17		x				3.900.000		
14	19641856	Hồ Lai	780.000	15CQT22			x			3.900.000		
15	19611145	Thập Nữ Khánh Duyên	780.000	15CKD04			x			3.900.000		



STT	MÃ SỐ HS-SV	HỌ VÀ TÊN	MỨC THU HỌC PHÍ HKI NH 2021-2022 (1 THÁNG) (đồng)	LỚP	ĐỐI TƯỢNG MIỄN HỌC PHÍ				ĐỐI TƯỢNG GIẢM 70%	MỨC HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM HỌC KỲ I NH 2021-2022 (5 THÁNG) (đồng)	Ký Nhận	GHI CHÚ
					Người có công với CM và thân nhân của người có công với CM theo Pháp lệnh ưu đãi người có công	HS-SV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế	HS-SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định TTCP	HS-SV thuộc hộ nghèo nhóm 1,2 thuộc chuẩn nghèo Thành phố	HS-SV là người dân tộc thiểu số (không phải dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn			
16	19621215	Châu Thị Kim Hoa	780.000	15CTA06		x				3.900.000		
17	19671004	Phú Nữ Hồng Ngâm	780.000	15CTX			x			3.900.000		
18	19671009	Nguyễn Thị Hồng Đào	780.000	15CTX				x		3.900.000		
19	19671012	Phan Hữu Minh	780.000	15CTX		x				3.900.000		
20	20681044	Lê Nguyễn Kiều Anh	940.000	16CDL01		x				4.700.000		
21	20682067	Diệp Kiến Thức	940.000	16CKS01			x			4.700.000		
22	20682070	Hà Quang Huy	940.000	16CKS01					x	3.290.000		
23	20662001	Phan Nhật Tân	940.000	16CSI01					x	3.290.000		
24	20634006	Đào Ngọc Nhanh	780.000	16CAD01				x		3.900.000		
25	20631521	Lăng Mỹ Diệu	780.000	16CKT01			x			3.900.000		
26	20631026	Thạch Thị Ngoan	780.000	16CKT01					x	2.730.000		
27	20631312	Lê Thảo Nguyên	780.000	16CKT04	x					3.900.000		
28	20641498	Nguyễn Thị Thanh Hường	780.000	16CQT07	x					3.900.000		
29	20641580	Đinh Hoa My	780.000	16CQT08					x	2.730.000		
30	20641640	Thạch Thị Ngọt	780.000	16CQT08					x	2.730.000		
31	20641830	Nguyễn Thị Huỳnh Như	780.000	16CQT11		x				3.900.000		
32	20621265	Thiên Thị Mỹ Dung	780.000	16CTA01			x			3.900.000		
33	20621196	Võ Xuân Trang	780.000	16CTA03		x				3.900.000		
34	20613161	Đặng Thị Nhân	780.000	16CLG02	x					3.900.000		
35	20622021	Phạm Hữu Đức Hòa	780.000	16CKR01				x		3.900.000		
36	21611214	Võ Ngọc Anh Thư	780.000	17CKD08				x		3.900.000		

STT	MÃ SỐ HS-SV	HỌ VÀ TÊN	MỨC THU HỌC PHÍ HKI NH 2021-2022 (1 THÁNG) (đồng)	LỚP	ĐỐI TƯỢNG MIỄN HỌC PHÍ				ĐỐI TƯỢNG GIẢM 70%	MỨC HỌC PHÍ MIỄN, GIẢM HỌC KỲ I NH 2021-2022 (5 THÁNG) (đồng)	Ký Nhận	GHI CHÚ
					Người có công với CM và thân nhân của người có công với CM theo Pháp lệnh ưu đãi người có công	HS-SV mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế	HS-SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định TTCP	HS-SV thuộc hộ nghèo nhóm 1,2 thuộc chuẩn nghèo Thành phố	HS-SV là người dân tộc thiểu số (không phải dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn			
37	21631003	Lộc Thị Hường	780.000	17CKT01			x			3.900.000		
38	21635003	Phan Hoàng Lâm	780.000	17CFB02		x				3.900.000		
39	21631446	Lê Huỳnh Phương Thảo	780.000	17CKT15				x		3.900.000		
40	21641075	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	780.000	17CQT03					x	2.730.000		
41	21631504	Lê Thị Bích Như	780.000	17CKT17				x		3.900.000		
42	21651017	Trần Thị Nhã Linh	780.000	17CIM01				x		3.900.000		
43	21634012	Nguyễn Ngọc Như Thảo	780.000	17CAD01				x		3.900.000		
44	21681011	Huỳnh Nguyễn Bích Tuyền	940.000	17CDL01				x		4.700.000		
45	21631226	Uông Lâm Như Quỳnh	780.000	17CKT08				x		3.900.000		
46	21641049	Thạch Thị Bảo Châu	780.000	17CQT02					x	2.730.000		
47	21661029	Đỗ Ngọc Quang	940.000	17CSI01		x				4.700.000		
CỘNG					7	9	9	11	11	174.750.000		

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn./.

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC HỌC SINH SINH VIÊN

Phạm Ngọc Hiệp

Phạm Ngọc Hiệp

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trần Văn Tú

